

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 12 - 2022
V/v ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Dũng;
2. Ông Rơ Luk Siu Yem.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bách – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lục Thị Ninh H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn H2, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản:

Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 159, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (theo giấy ủy quyền ngày 26/12/2019). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Y MDrang, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về yêu cầu chia tài sản:

Ông Phạm Hoài Q, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 79, đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (theo giấy ủy quyền ngày 30/12/2019). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/20219 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lục Thị Ninh H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản chung trình bày:

Chị Lục Thị Ninh H kết hôn với anh Y trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Y có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị H và anh Y đã sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vì vậy chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lắk giải quyết cho chị ly hôn với anh Y.

Về con chung: Chị H và anh Y không có con chung.

Về tài sản chung: Khi ly hôn chị H yêu cầu Tòa án phân chia những tài sản sau:

Thửa đất số 465, tờ bản đồ số 06, diện tích 1615m², tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 544416 do Ủy ban nhân dân huyện Lắk cấp ngày 04/9/1997 cho ông K.

Thửa đất số 392, tờ bản đồ số 06, diện tích 1391m², tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 544414 do Ủy ban nhân dân huyện Lắk cấp ngày 11/9/1997 cho ông K.

Hai thửa đất này do ông K tặng cho anh Y và chị H.

01 thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có chiều ngang theo mặt đường là 06 mét, tọa lạc tại buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai – Accent, biển số đăng ký 47A-288.22.

Ngày 16/7/2021 chị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung đối với: Thửa đất số 465, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 544416 và Thửa đất số 392, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 544414.

Tại đơn phản tố ngày 13/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Y MDrang và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về yêu cầu chia tài sản chung trình bày:

Anh Y nhất trí với lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung và nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về tài sản chung: Anh Y không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của chị H, vì Thửa đất số 465, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 544416 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04/9/1997 cho ông K và Thửa đất số 392, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 544414 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 11/9/1997 cho ông K là bố của

anh Y, chị H đã giả mạo chữ ký của bố mẹ anh Y để làm hợp đồng tặng cho chị H và anh Y 02 thửa đất này, nên anh Y yêu cầu trả lại 02 thửa đất này cho ông K.

Đối với lô đất có chiều ngang theo mặt đường là 06 mét, tọa lạc tại buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, do chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có căn cứ yêu cầu Tòa án chia.

Còn xe ô tô nhãn hiệu Hyundai – Accent, biển số đăng ký 47A-288.22 là do anh Y vay của người quen 400.000.000 đồng để mua, sau khi đã ly thân với chị H.

Trong thời gian sống ly thân anh Y đã trả các khoản nợ chung của hai vợ chồng là 840.968.000 đồng. Nay anh Y yêu cầu chị H trả lại cho anh 420.484.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số đăng ký 47S1-05671 do anh Y mua năm 2012, trước khi kết hôn với chị H. Ngày 12/10/2022 anh Y có đơn xin rút yêu cầu phản tố.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và về việc giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lục Thị Ninh H, cho chị H được ly hôn với anh Y.

Về yêu cầu chia tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về phân chia tài sản chung và yêu cầu phản tố của bị đơn.

Về án phí: Chị Lục Thị Ninh H chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Lục Thị Ninh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Y MĐrang và chia tài sản chung. Đây là quan hệ tranh chấp “*Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*”. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: Xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về tố tụng: Chị Lục Thị Ninh H, anh Y MDrang và ông Nguyễn Đức D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ông Phạm Hoài Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về yêu cầu ly hôn của chị Lục Thị Ninh H: Chị H và anh Y kết hôn với nhau ngày 04/01/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống và không tìm được tiếng nói chung. Qua xác minh tại thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, nơi chị H và anh Y chung sống trước khi ly thân, thể hiện vợ chồng anh, chị xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019 cho đến nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh, chị đã kéo dài, trầm trọng và không thể khắc phục được.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị H và anh Y không còn tình cảm, thương yêu, tôn trọng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh Y là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh Y không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H yêu cầu Tòa án phân chia những tài sản sau:

Thửa đất số 465, tờ bản đồ số 06, diện tích 1615m², tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 544416 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04/9/1997 cho ông K.

Thửa đất số 392, tờ bản đồ số 06, diện tích 1391m², tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 544414 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 11/9/1997 cho ông K.

01 thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có chiều ngang theo mặt đường là 06 mét, tọa lạc tại buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai – Accent, biển số đăng ký 47A-288.22.

Ngày 16/7/2021 chị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung đối với: Thửa đất số 465, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 544416 và Thửa đất số 392, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 544414.

Ngày 29/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Lắk ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 20/TB-TA, yêu cầu chị H nộp tạm ứng 20.000.000 đồng để chi phí cho việc đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đối với những tài sản chị H yêu cầu Tòa án chia, nhưng chị H không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng theo thông báo của Tòa án.

Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c, đ khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu về chia tài sản chung của nguyên đơn.

Về yêu cầu phản tố của anh Y: Ngày 12/10/2022 anh Y có đơn xin rút yêu cầu phản tố.

Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Về nợ chung: Chị H và anh Y không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Lục Thị Ninh H chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lục Thị Ninh H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lục Thị Ninh H và anh Y MDrang.

2. Về yêu cầu chia tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu về chia tài sản của chung của nguyên đơn chị Lục Thị Ninh H và yêu cầu phản tố của bị đơn anh Y MDrang.

3. Về án phí: Chị Lục Thị Ninh H chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0009901 ngày 07/11/2019.

Hoàn trả cho chị Lục Thị Ninh H 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0009901 ngày 07/11/2019.

Hoàn trả cho anh Y MDrang 10.410.000 đồng (*Mười triệu bốn trăm mười nghìn đồng*) tiền tạm ứng án đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắk theo biên lai thu tiền tạm ứng án số 60AA/2021/0001637 ngày 17/01/2022.

Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn về yêu cầu chia tài sản chung vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- CCTHADS huyện Lắk;
- CCTHADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã Cư M'gar,
huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Ngọc